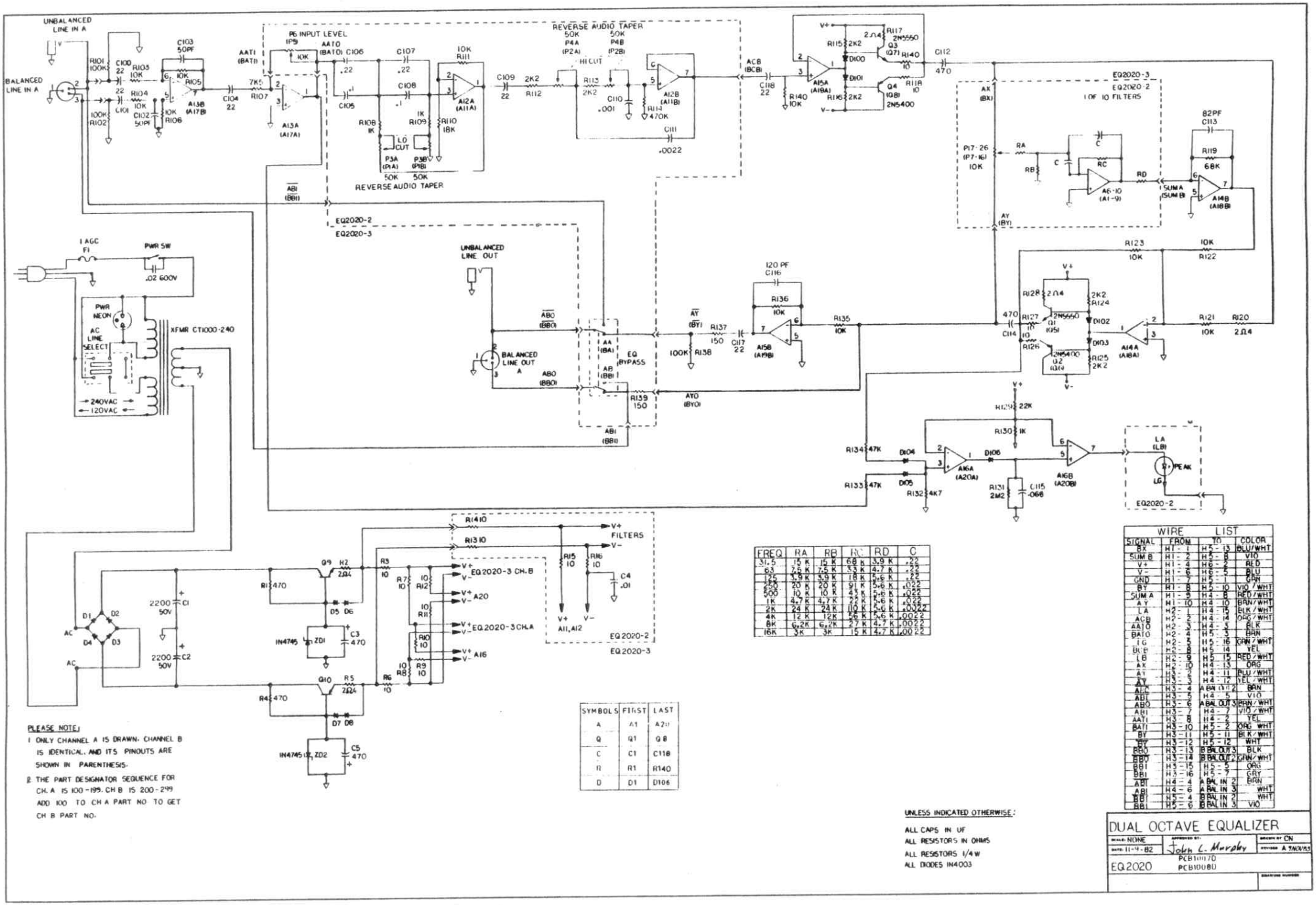

FREQ	RA	RB	RC	RD	C
31.5	15 K	15 K	68 K	3.9 K	.22
63	7.5 K	7.5 K	33 K	4.7 K	.22
125	3.9 K	3.9 K	18 K	5.6 K	.22
250	20 K	20 K	91 K	5.6 K	.022
500	10 K	10 K	43 K	5.6 K	.022
1K	4.7 K	4.7 K	22 K	5.6 K	.022
2K	24 K	24 K	110 K	5.6 K	.0022
4K	12 K	12K	56 K	5.6 K	.0022
8K	6.2K	6.2K	27 K	4.7 K	.0022
16K	3K	3K	15 K	4.7 K	.0022

SYMBOLS	FIRST	LAST
A	A1	A20
Q	Q1	Q8
C	C1	C118
R	R1	R140
D	D1	D106

PLEASE NOTE:

1. ONLY CHANNEL A IS DRAWN. CHANNEL B IS IDENTICAL, AND ITS PINOUTS ARE SHOWN IN PARENTHESIS.
2. THE PART DESIGNATOR SEQUENCE FOR CH. A IS 100-199. CH B IS 200-299 ADD 100 TO CH A PART NO TO GET CH B PART NO.

UNLESS INDICATED OTHERWISE:

ALL CAPS IN UF
ALL RESISTORS IN OHMS
ALL RESISTORS 1/4 W
ALL DIODES IN4003

WIRE LIST

SIGNAL	FROM	TO	COLOR
BX	H1 - 1	H5 - 13	BLU/WHT
SUM B	H1 - 2	H5 - 8	VIO
V+	H1 - 4	H6 - 2	RED
V-	H1 - 6	H6 - 5	BLU
GND	H1 - 7	H5 - 1	GRN
BY	H1 - 8	H5 - 10	VIO / WHT
SUM A	H1 - 9	H4 - 8	RED / WHT
AY	H1 - 10	H4 - 10	BRN / WHT
LA	H2 - 1	H4 - 15	BLK / WHT
ACB	H2 - 2	H4 - 14	ORG / WHT
AATO	H2 - 3	H4 - 3	BLK
BATO	H2 - 4	H5 - 3	BRN
LG	H2 - 5	H5 - 16	GRN / WHT
BCB	H2 - 8	H5 - 14	YEL
LB	H2 - 9	H5 - 15	RED / WHT
AX	H2 - 10	H4 - 13	ORG
AY	H3 - 2	H4 - 11	BLU / WHT
AY	H3 - 3	H4 - 12	YEL / WHT
ABC	H3 - 4	A BAL OUT 2	BRN
ABI	H3 - 5	H4 - 5	VIO
ABO	H3 - 6	A BAL OUT 3	BRN / WHT
ABI	H3 - 7	H4 - 7	VIO / WHT
AATI	H3 - 8	H4 - 2	YEL
BATI	H3 - 10	H5 - 2	ORG WHT
BY	H3 - 11	H5 - 11	BLK / WHT
BY	H3 - 12	H5 - 12	WHT
BBO	H3 - 13	B BAL OUT 3	BLK
BBO	H3 - 14	B BAL OUT 2	GRN / WHT
BBI	H3 - 15	H5 - 5	ORG
BBI	H3 - 16	H5 - 7	GRY
ABI	H4 - 4	A BAL IN 2	BRN
ABI	H4 - 6	A BAL IN 3	WHT
BBI	H5 - 4	B BAL IN 2	WHT
BBI	H5 - 6	B BAL IN 3	VIO

DUAL OCTAVE EQUALIZER

SCALE: NONE
DATE: 11-9-82
APPROVED BY: John C. Murphy
DRAWN BY: CN
REVISED: A 9/10/83
EQ2020
PCB10017D
PCB10080
DRAWING NUMBER